

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Ông Nguyễn Ngọc Triển

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13 tháng 01 năm 1997 tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị N (không xác định được bố đẻ); Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 2002; con: 02 con (con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: 01. Ngày 02/7/2018, bị Công an huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC. Bị cáo đã nộp phạt xong ngày 02/7/2018, đến nay được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997; đều cư trú: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng, thấy nhiều đối tượng trên địa bàn có nhu cầu vay tiền; thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao thu lợi lớn nên từ khoảng tháng 05/2023 đến nay, D đã cho một số người vay tiền với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật gồm: Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1995, trú tại thôn D, xã T; anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1988; Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998, đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Những người đến vay tiền của D tùy từng trường hợp có thể phải để lại căn cước công dân hoặc không phải thế chấp giấy tờ, tài sản gì mà chỉ phải điền thông tin cá nhân vào 01 giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn, toàn bộ tên người vay, số tiền vay, lãi suất vay đều được D ghi chép vào 01 quyển sổ để theo dõi.

Quá trình giao dịch cho vay, trả gốc, trả lãi, D sử dụng số tài khoản 100562079999 mở tại Ngân hàng C (V) của D; anh Nguyễn Trọng K sử dụng số tài khoản 8893727616 mở tại ngân hàng TMCP Đ (B) của anh K và số tài khoản 6888829061997 mở tại ngân hàng TMCP Q1 (MB) của chị Nguyễn Thị Phương T (là vợ anh K); anh Nguyễn Đức D1 sử dụng số tài khoản 4251609585 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B) của anh D1; anh Nguyễn Văn Q sử dụng tài khoản số 9974877430 mở tại Ngân hàng TMCP N1 (V1) và số tài khoản 103875413656 mở tại Ngân hàng TMCP C (V2) của anh Q để thực hiện giao dịch hoặc trực tiếp đưa tiền mặt, cụ thể như sau:

1. Cho anh Nguyễn Đức D1 vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 28/02/2024, anh D1 đến nhà D hỏi vay số tiền 40.000.000đ để làm ăn kinh doanh thì D đồng ý. Hai bên thống nhất lãi suất vay là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng 4.800.000đ được trả 1 lần hoặc nhiều lần. D không yêu cầu anh D1 phải thế chấp giấy tờ, tài sản gì và đưa cho anh D1 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn để anh D1 điền thông tin cá nhân, số tiền vay và ký tên đưa lại cho D. Sau đó D thu tiền lãi 01

tháng đối với khoản vay trên, chuyển khoản số tiền 8.800.000đ đến tài khoản Ngân hàng của anh D1 và đưa trực tiếp cho anh D1 26.400.000đ tiền mặt.

Đối với khoản vay trên, anh D1 đã trả cho D số tiền gốc là 40.000.000đ. Anh D2 đã trả cho D số tiền lãi là 49.280.000đ (tương ứng với 308 ngày tính lãi), số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là $40.000.000đ \times 20\%/365 \times 308 \text{ ngày} = 6.750.685 \text{ đồng}$, số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho anh D2 vay là $49.280.000 \text{ đồng} - 6.750.685 \text{ đồng} = 42.529.315 \text{ đồng}$.

2. Cho anh Nguyễn Trọng K vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 05/07/2024, anh K đến nhà D hỏi vay số tiền 16.000.000đ để làm ăn kinh doanh thì D đồng ý. Hai bên thống nhất lãi suất vay là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), tiền lãi trả theo tháng. D không yêu cầu anh K phải thế chấp giấy tờ, tài sản gì và đưa cho anh K 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn để anh K điền thông tin cá nhân, số tiền vay và ký tên đưa lại cho D. Sau đó D đưa trực tiếp cho anh K 16.000.000đ tiền mặt, D không thu lãi trước đối với khoản vay trên.

Đối với khoản vay trên, ngày 17/7/2024, anh K đã trả cho D số tiền gốc là 6.000.000đ và 768.000đ (tương ứng với 12 ngày vay), còn nợ D 10.000.000đ nợ gốc. Số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định là $16.000.000 \times 20\%/365 \times 12 \text{ ngày} = 105.205 \text{ đồng}$; số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho K vay tiền là $768.000 \text{ đồng} - 105.205 \text{ đồng} = 662.795 \text{ đồng}$.

K còn nợ D 10.000.000đ tiền nợ gốc. Số tiền lãi K đã trả cho D đối với số nợ gốc còn lại là 5.800.000đ (tương ứng với 150 ngày vay). Số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định là $10.000.000 \times 20\%/365 \times 150 \text{ ngày} = 821.918 \text{ đồng}$; số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho K vay là $5.800.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng} = 4.978.082 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh K đã trả cho D số tiền lãi là 6.568.000đ, số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là $105.205 \text{ đồng} + 821.918 \text{ đồng} = 927.123 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho anh K vay là $662.795 \text{ đồng} + 4.978.082 \text{ đồng} = 5.640.877 \text{ đồng}$.

3. Cho anh Nguyễn Văn Q vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/5/2023, anh Q đến nhà D hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, D đồng ý. Hai bên thống nhất lãi suất vay là 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015),

tiền lãi trả theo tháng. Sau đó D đưa cho anh Q 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn và yêu cầu anh Q để 01 Căn cước công dân số 026098000410 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-147.76 đều mang tên Nguyễn Văn Q để làm tin. Sau khi thu lãi trước 30 ngày (từ ngày 22/5/2023 đến ngày 20/6/2023) đối với khoản vay trên tương ứng với số tiền 1.200.000đồng, D đưa trực tiếp cho anh Q số tiền 8.800.000 đồng.

Ngày 17/11/2023, anh Q đã trả 10.000.000đ tiền gốc vay nên D trả lại căn cước công dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Q.

Đối với khoản vay trên, D đã thu của anh Q số tiền lãi là 7.200.000đ (tương đương 180 ngày lãi, số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là $10.000.000đ \times 20\%/365 \times 180 = 986.301$ đồng, số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho anh Q vay tiền rồi thu lãi đối với khoản vay trên là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$).

Lần 2: Ngày 05/12/2023, anh Q tiếp tục vay của D số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất vay thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), tiền lãi trả theo tháng. Sau đó, D đưa cho anh Q 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn và yêu cầu anh Q để 01 Căn cước công dân số 026098000410 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-147.76 đều mang tên Nguyễn Văn Q để làm tin. D không thu lãi trước đối với khoản vay trên và đưa trực tiếp cho anh Q vay 10.000.000 đồng tiền mặt.

Ngày 02/5/2024, anh Q đã trả 10.000.000đ tiền gốc vay nên D trả lại căn cước công dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Q.

Đối với khoản vay trên, D đã thu của anh Q số tiền lãi là 6.000.000đ (tương đương 150 ngày lãi), số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 150 \text{ ngày} = 821.918$ đồng, số tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho anh Q vay tiền rồi thu lãi đối với khoản vay trên là $6.000.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng} = 5.178.082 \text{ đồng}$.

Lần 3: Ngày 29/9/2024, anh Q tiếp tục vay của D số tiền 10.000.000đ với lãi suất vay thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), tiền lãi trả theo tháng. Sau đó D đưa cho anh Q 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu đánh máy sẵn và yêu cầu anh Q Quảng điện thông tin, ký nhận. Đối với khoản vay trên, D không yêu cầu anh Q thế chấp giấy tờ, tài sản gì. Sau khi thu lãi trước 60 ngày (từ ngày 29/9/2024 đến ngày 27/11/2024) đối với khoản vay trên tương ứng với số tiền

3.000.000 đồng, D chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng đến tài Ngân hàng của anh Q.

Đối với khoản vay trên, D đã thu của anh Q số tiền lãi là 4.750.000 đồng (tương đương 95 ngày lãi), số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 95 \text{ ngày} = 520.548 \text{ đồng}$, số tiền thu lãi bất chính của D có được qua việc cho anh Q vay tiền rồi thu lãi đối với khoản vay trên là $4.750.000 \text{ đồng} - 520.548 \text{ đồng} = 4.229.452 \text{ đồng}$.

Tổng 03 lần, D đã cho anh Q vay tổng số tiền gốc là 30.000.000đ với lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho D là 17.950.000đ, số tiền lãi tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.328.767 đồng, số tiền thu lãi bất chính của D có được qua việc cho anh Q vay tiền là 15.621.233 đồng. Ngày 05/01/2025, tại quán nước gần khu vực trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện V thuộc địa phận tổ dân phố P, thị trấn T, anh Q trả cho D số tiền 10.250.000đ của khoản vay lần 3 ngày 29/9/2024 thì Công an huyện V kiểm tra, phát hiện và lập biên bản sự việc.

Như vậy, từ ngày 22/5/2023 đến ngày 29/9/2024, Nguyễn Văn D đã cho anh Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Trọng K vay tiền 05 lượt với tổng số tiền cho vay là 86.000.000 đồng, mức lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi D đã thu được là 73.798.000đ, mức lãi suất tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật là 10.006.575 đồng; D thu lãi bất chính số tiền 63.791.425 đồng.

* Vật chứng thu giữ, tạm giữ: *Tại biên bản sự việc do Công an huyện V lập ngày 05/01/2025 đã thu giữ những đồ vật, tài liệu gồm:*

- Thu trên tay phải của Nguyễn Văn D số tiền 10.250.000đ và 01 giấy vay tiền theo mẫu đánh sẵn được viết tay có nội dung thể hiện ngày 29/9/2024 Q vay của D số tiền 10.000.000đ, bên dưới tại mục “NGƯỜI VAY TIỀN” có chữ ký ghi rõ họ tên của Q.

- T1 tại túi quần bên phải đang mặc của D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 15 pro max, màu xám, có số Imei: 359732437150746, bên trong lắp 01 thẻ sim mang số thuê bao 0395632999, điện thoại có mật khẩu mở khóa màn hình là 999999, điện thoại cũ và đã qua sử dụng, vẫn hoạt động bình thường. Số tiền 10.250.000 đồng.

Cùng ngày, Nguyễn Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các đồ vật, tài sản gồm:

+ 02 giấy vay tiền theo mẫu đánh sẵn đề các ngày 05/12/2023, 22/5/2023 có nội dung Nguyễn Văn Q vay của Nguyễn Văn D với số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng;

+ 01 giấy vay tiền theo mẫu đánh sẵn đề ngày 28/02/2024 có nội dung Nguyễn Đức D1 vay của Nguyễn Văn D với số tiền vay là 40.000.000 đồng;

+ 01 giấy vay tiền theo mẫu đánh sẵn đề ngày 05/7/2024 có nội dung Nguyễn Trọng K vay của Nguyễn Văn D với số tiền vay là 16.000.000 đồng;

+ 01 quyển sổ ghi chép có bìa màu đen, trên bìa có in dòng chữ “NOTEBOOK”, bên trong sổ có nhiều trang giấy viết các chữ, sổ thể hiện nội dung khách vay tiền, số tiền vay, ngày vay, số tiền trả lãi;

Ngày 08/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Lệnh phong tỏa tài khoản, phong tỏa số tiền 9.088.869 đồng trong tài khoản số 100562079999 mở tại Ngân hàng V, chi nhánh B1 của Nguyễn Văn D. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Ngân hàng V, chi nhánh B1 tiến hành phong tỏa số tiền trên.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKSVT ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/01/2025 đến ngày 08/01/2025 (tương ứng với 09 ngày cải tạo không giam giữ).

Áp dụng khoản 3 Điều 201 phạt bổ sung đối với bị cáo từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước

1. Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 15 pro max, màu xám cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy đối với chiếc sim điện thoại mang số thuê bao 0395632999.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 03 giấy vay tiền đề các ngày 05/12/2023, 22/5/2023, 29/9/2024 giữa Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 28/02/2024 giữa Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 05/7/2024 giữa Nguyễn Trọng K và Nguyễn Văn D; 01 quyển sổ ghi chép có bìa màu đen, trên bìa có in dòng chữ “NOTEBOOK”, bên trong sổ có nhiều trang giấy viết các chữ, số thể hiện nội dung khách vay tiền, số tiền vay, ngày vay, số tiền trả lãi.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 9.088.869 đồng của Nguyễn Văn D.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc của Nguyễn Văn D là 56.911.131 đồng và tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định là 9.979.178 đồng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.027.397 đồng (trong đó có 10.000.000đ tiền gốc và 27.397đ tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự) đã tạm giữ của D ngày 05/01/2025.

Trả lại anh Nguyễn Văn Q số tiền lãi vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự là 222.603 đồng đã tạm giữ của D ngày 05/01/2025.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Trọng K là tiền nợ gốc chưa trả D.

Buộc Nguyễn Văn D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Nguyễn Đức D1 là 42.539.215 đồng; trả cho anh Nguyễn Trọng K là 5.640.877 đồng và trả cho anh Nguyễn Văn Q là 15.398.630đ đồng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và không có lời bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2023 đến ngày 29/9/2024, Nguyễn Văn D đã cho các anh Nguyễn Trọng K, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Văn Q vay tổng số tiền là 86.000.000 đồng với lãi suất từ 4.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) đến 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) với mục đích thu lời bất chính. Tổng số tiền lãi D thu được là 73.798.000đ, mức lãi suất tối đa D được hưởng theo quy định của pháp luật (20%) là 10.006.575 đồng; D thu lời bất chính số tiền 63.791.425 đồng.

Hành vi như đã nêu trên của Nguyễn Văn D đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây bất

bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật nhưng vì mục đích thu lời bất chính cho bản thân mà đã cố ý thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất cao là 146%/năm và 182,5%/năm, gấp 7,3 lần và gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Bị cáo D cho vay lãi nặng với mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nhất định để sung ngân sách Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường là phù hợp.

Bị cáo không có công việc ổn định, là lao động chính trong gia đình có 02 con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 15 pro max, màu xám, có số Imei: 359732437150746, bên trong lắp 01 thẻ sim mang số thuê bao 0395632999, điện thoại cũ và đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây công cụ, phương tiện D sử dụng để chuyển khoản tiền vay cho khách, nhận chuyển khoản khách trả. Do vậy, cần tịch thu để bán sung công quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động trên và tịch thu tiêu hủy đối với chiếc sim điện thoại do không còn giá trị sử dụng.

- Đối với số tiền 10.250.000đ tạm giữ trên người Nguyễn Văn D ngày 05/01/2025, quá trình điều tra xác định trong đó có 10.000.000đ tiền gốc và 250.000đ tiền lãi (tương ứng với 5 ngày vay) anh Q trả cho D vào ngày 05/01/2025. Số tiền lãi tối đa bị cáo được hưởng theo quy định của BLDS là 27.397 đồng; số tiền lãi thu lời bất chính là 250.000 đồng – 27.397 đồng =

222.603đồng. Do vậy, cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.027.397đ và trả lại cho anh Q số tiền 222.603đồng.

- Đối với 03 giấy vay tiền đề các ngày 05/12/2023, 22/5/2023, 29/9/2024 giữa Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 28/02/2024 giữa Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 05/7/2024 giữa Nguyễn Trọng K và Nguyễn Văn D; 01 quyển sổ ghi chép có bìa màu đen, trên bìa có in dòng chữ “NOTEBOOK”, bên trong sổ có nhiều trang giấy viết các chữ, số thể hiện nội dung khách vay tiền, số tiền vay, ngày vay, số tiền trả lãi. Quá trình điều tra xác định số giấy tờ và cuốn sổ trên là của Nguyễn Văn D phục vụ việc theo dõi, ghi chép cho các cá nhân vay lãi nặng, là vật chứng vụ án nên cần lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với tổng số tiền 9.088.869 đồng trong tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn D đã bị phong tỏa, quá trình điều tra xác định là tiền khách trả cho D khi vay với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật, do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước theo quy định.

- Đối với số tiền 63.791.425 đồng là tiền thu lời bất chính của D có được qua việc cho anh Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trọng K, Nguyễn Đức D1 vay tiền (trong đó, của anh Nguyễn Văn Q số tiền 15.621.233đồng, của anh Nguyễn Trọng K số tiền 5.640.877đồng, của anh Nguyễn Đức D1 số tiền 42.539.215đồng), quá trình điều tra xác định anh Q, anh K và anh D1 không sử dụng số tiền đã vay của D vào mục đích vi phạm pháp luật, nên cần buộc D phải trả cho anh K 5.640.877 đồng, trả cho anh D1 42.539.215đ, trả cho anh Q 15.621.233đ. Xác nhận Cơ quan điều tra đã tạm giữ của D số tiền 222.603 đồng là tiền lãi anh Q trả cho D nên được khấu trừ tổng số tiền D phải trả lại cho anh Q, số tiền còn lại D phải trả cho anh Q là 15.398.630đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn D số tiền 66.000.000đ là tiền gốc anh Nguyễn Trọng K, anh Nguyễn Đức D1, Nguyễn Văn Q đã trả cho D. Xác nhận Cơ quan điều tra đã phong tỏa số tiền 9.088.869đ trong tài khoản số 100562079999 mở tại Ngân hàng TMCP C của D ngày 08/01/2025 nên D được khấu trừ số tiền trên, số tiền gốc còn lại cần truy thu của D là 56.911.131đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000đ của anh Nguyễn Trọng K là tiền gốc anh K đã vay của D nhưng chưa trả.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.979.178 đồng của Nguyễn Văn D, đây là tiền lãi D được hưởng theo quy định của pháp luật là 20%/năm khi cho anh K, anh D1, anh Q vay tiền.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/01/2025 đến ngày 08/01/2025 (tương ứng với 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn D 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 15 pro max, màu xám cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ đối với chiếc sim điện thoại mang số thuê bao 0395632999.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 03 giấy vay tiền đề các ngày 05/12/2023, 22/5/2023, 29/9/2024 giữa Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 28/02/2024 giữa Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Văn D; 01 giấy vay tiền đề ngày 05/7/2024 giữa Nguyễn Trọng K và Nguyễn Văn D; 01 quyển sổ ghi chép có bìa màu đen, trên bìa có in dòng chữ “NOTEBOOK”, bên trong sổ có nhiều trang giấy viết các chữ, số thể hiện nội dung khách vay tiền, số tiền vay, ngày vay, số tiền trả lãi.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 9.088.869 đồng của Nguyễn Văn D.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc của Nguyễn Văn D là 56.911.131đồng và tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định là 9.979.178 đồng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.027.397 đồng (trong đó có 10.000.000đ tiền gốc và 27.397đ tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự) đã tạm giữ của D ngày 05/01/2025.

Trả lại anh Nguyễn Văn Q số tiền lãi vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự là 222.603đồng đã tạm giữ của D ngày 05/01/2025.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Trọng K là tiền nợ gốc chưa trả D.

Buộc Nguyễn Văn D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Nguyễn Đức D1 là 42.539.215 đồng; trả cho anh Nguyễn Trọng K là 5.640.877 đồng và trả cho anh Nguyễn Văn Q là 15.398.630đ đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường)

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Phòng THAHS Công an tỉnh;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA tỉnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Bị cáo;
- UBND xã Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Thông

Nguyễn Ngọc Triển

Đỗ Thị Liên

